TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 208/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số G ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Điền Đa R, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số C ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 01 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn bà Thạch Thị N trình bày:

Bà Thạch Thị N và ông Điền Đa R đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/02/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được gần 03 năm, sau đó đến năm 2017 thì thường phát

sinh mâu thuẫn hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 12/2017 đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông Đa R. Về con chung: Có 01 con chung là Điền Thị Như Ý, sinh ngày 21/6/2013, hiện đang sống với bà N. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Điền Đa R:* Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông Điền Đa R vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, con chung Điền Thị Như Y trình bày ý kiến:* Khi cha mẹ ly hôn không còn sống chung với nhau, cháu có nguyện vọng sống với mẹ là bà Thạch Thị N.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà N được ly hôn với ông R. Về con chung: Đề nghị giao cho bà N được quyền trực tiếp nuôi con chung là Điền Thị Như Y, sinh ngày 21/6/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thạch Thị N và ông Điền Đa R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông R vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông R.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Điền Đa R và bà Thạch Thị N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 25/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ hôn nhân giữa ông Điền Đa R và bà Thạch Thị N là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị N: Theo đơn khởi kiện, bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và ông R đã không

còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay do bất đồng ý kiến, không hàn gắn được. Do đó có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông R đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà N và ông R có 01 con chung là Điền Thị Như Y, sinh ngày 21/6/2013 đang sống chung với bà N và cháu có nguyện vọng sống với bà N. Bà N cũng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử căn cứ theo nguyện vọng của con chung và nhằm để ổn định, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con chung thì cần thiết giao con chung Điền Thị Như Y cho bà N trực tiếp nuôi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông R được quyền thăm nom con chung Điền Thị Như Y, không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông R không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị N đối với bị đơn ông Điền Đa R.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị N được ly hôn với ông Điền Đa R.

2. Về con chung: Giao cho bà Thạch Thị N được quyền trực tiếp nuôi con chung là Điền Thị Như Y, sinh ngày 21/6/2013 cho đến khi con chung Điền Thị Như Y đủ 18 tuổi. Ông Điền Đa R được quyền thăm nom con chung Điền Thị Như Y không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Thạch Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị N và ông Điền Đ Ra không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Thạch Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Toà án số 0010407 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Thạch Thị N đã nộp xong.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã T, huyện M
(Theo GCNKH số 46 ngày 25/02/2015);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến